

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 191/2020/DS-PT
Ngày: 17 - 6 - 2020
“V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Th phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh.

Các Th phán:

1. Ông Trần Văn Quán.

2. Bà Huỳnh Thị Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Yến Khanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Phạm Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 261/2020/TLPT-DS ngày 14 tháng 5 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2020/DS-ST ngày 26/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện T Th bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 274/2020/QĐ-PT ngày 21 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Trúc Ph, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn T Th, huyện T Th, tỉnh Long An.

Bị đơn: Bà Mai Thị Th, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn T Th, huyện T Th, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Hùng C, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn T Th, huyện T Th, tỉnh Long An.

Người kháng cáo: Bà Mai Thị Th và ông Nguyễn Hùng C.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/12/2019 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 02/3/2020, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn

bà Nguyễn Thị Trúc Ph trình bày: Ngày 02/10/2019 bà Mai Thị Th có vay của bà Ph số tiền 60.000.000 đồng. Ngày 06/10/2019 bà Ph có cho bà Th vay thêm số tiền là 100.000.000 đồng, tổng cộng là 160.000.000 đồng. Bà Th có ký tên vào hai biên nhận vay và hai bên thỏa thuận lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, quy định 10 ngày trả lãi một lần. Bà Th đã trả bà Ph được số tiền lãi 7.000.000 đồng.

Nay bà Nguyễn Thị Trúc Ph yêu cầu bà Mai Thị Th và ông Nguyễn Hùng C liên đới trả 160.000.000 đồng tiền gốc, trả một lần, không yêu cầu tính lãi; không đồng ý theo yêu cầu của bà Th về việc xin trả 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi trả xong nợ.

Việc bà Th trình bày là đã trả lãi cho bà Ph số tiền 22.000.000 đồng là không có, bà Ph chỉ nhận từ bà Th số tiền lãi là 7.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn bà Mai Thị Th trình bày: Khoảng tháng 9 năm 2019, bà có vay của bà Ph số tiền là 100.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 15%/tháng, 10 ngày trả lãi một lần, mỗi lần là 5.000.000 đồng. Bà Th trả được 03 lần là 15.000.000 đồng.

Ngày 02/10/2019 bà Th có vay thêm của bà Ph số tiền là 60.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 15%/tháng, 10 ngày trả lãi một lần. Bà Th trả được số tiền lãi là 7.000.000 đồng. Tổng số tiền đã vay của bà Ph là 160.000.000 đồng, mục đích vay số tiền này là dùng để trả lãi cho số tiền vay khác.

Nay bà Nguyễn Thị Trúc Ph yêu cầu bà Th và ông Nguyễn Hùng C trả số tiền là 160.000.000 đồng, bà Th có ý kiến như sau: Số tiền vay này là do một mình bà vay nên bà yêu cầu chỉ một mình bà trả số tiền vay cho bà Ph là 160.000.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng từ tháng 04 năm 2020 cho đến khi hết nợ.

Bà Th đã trả cho bà Ph 22.000.000 đồng tiền lãi nên yêu cầu được tính lại đối với số tiền lãi đã trả cho Ph. Việc trả lãi này không có làm biên nhận.

Trong quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hùng C trình bày: Ông và bà Mai Thị Th là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Về việc bà Th có vay của bà Nguyễn Thị Trúc Ph số tiền 160.000.000 đồng, ông không biết. Sau khi bà Th không còn khả năng trả nợ, bà Ph có đến nhà đề đòi số tiền 160.000.000 đồng này thì ông mới biết bà Th có thiếu tiền bà Ph. Việc bà Th vay tiền của bà Ph ông không biết nên bà Ph yêu cầu bà Th và ông liên đới cùng trả số tiền này ông không đồng ý.

Bà Th có tài sản riêng là căn nhà và đất của mẹ ruột bà Th tặng cho Th. Đó là tài sản riêng của bà Th, ông không có ý kiến về phần tài sản này khi bà Th bán hay hóa giá để thanh toán nợ.

Tại bản án dân sự sơ Th số 12/2020/DS-ST ngày 26/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện T Th đã căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 172, 173, 174, 227, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 288, 357, 463, 464, và Điều 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Trúc Ph.

Buộc bà Mai Thị Th và ông Nguyễn Hùng C liên đới hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Trúc Ph số tiền vay là 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng). Thời hạn trả là ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Bác yêu cầu xin trả mỗi tháng 1.000.000 đồng của bà Mai Thị Th.

3. Án phí dân sự sơ Th có giá ngạch: Bà Mai Thị Th và ông Nguyễn Hùng C phải chịu 8.000.000 đồng để sung Ngân sách Nhà nước.

Bà Nguyễn Thị Trúc Ph không phải chịu án phí nên được hoàn trả 4.000.000 đồng theo lai thu số 0000821 ngày 26/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T Th.

Ngoài ra, án còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền - nghĩa vụ của các bên ở giai đoạn thi hành án.

Bản án sơ Th chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 08/4/2020, bà Mai Thị Th và ông Nguyễn Hùng C kháng cáo không đồng ý toàn bộ bản án dân sự sơ Th. Bà Th đồng ý trả cho bà Trúc Ph số tiền 160.000.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng, không đồng ý liên đới cùng ông C trả tiền cho bà Trúc Ph, đồng thời yêu cầu xem xét phần lãi suất đã trả cho bà Trúc Ph. Ông C không đồng ý liên đới với bà Th trả cho bà Trúc Ph số tiền 160.000.000 đồng.

Phản tranh luận:

Tại phiên tòa phúc Th,

Bà Mai Thị Th cho rằng, vào tháng 9/2018 bà có vay của bà Ph số tiền 100.000.000 đồng, sau đó vay thêm 60.000.000 đồng và thỏa thuận cứ 10 ngày trả lãi một lần, mỗi lần là 5.000.000 đồng, bà đã trả được 3 lần với số tiền 15.000.000 đồng. Sau đó, bà Ph có mượn lại của bà số tiền 7.000.000 đồng, nên bà đã trả cho bà Ph tổng cộng là 22.000.000 đồng tiền lãi. Bà Ph đã nhận số tiền 22.000.000 đồng của bà nhưng bà Ph lại không thừa nhận. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét điều chỉnh lại cho bà về phần tiền lãi đã trả.

Ông Nguyễn Hùng C tranh luận rằng, ông hoàn toàn không biết việc bà Th vay mượn tiền của bà Ph, chỉ đến khi có nhiều người đến đòi nợ bà Th tại nhà thì ông mới biết. Vì ông thường đi xe vắng nhà nên không biết việc bà Th làm. Do đó, ông không đồng ý cùng bà Th trả nợ vay cho bà Ph.

Bà Nguyễn Thị Trúc Ph không tranh luận.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Cấp phúc Th thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa ra xét xử. Tại phiên tòa, Th phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo tố tụng. Các bên đương sự thực hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ của mình. Kháng cáo hợp lệ đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc Th.

Về nội dung kháng cáo:

- Bà Mai Thị Th thừa nhận có vay của bà Nguyễn Thị Trúc Ph số tiền 160.000.000 đồng, bà Th kháng cáo yêu cầu được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nhưng bà Ph không đồng ý và pháp luật không có quy định về việc trả dần; đồng thời yêu cầu điều chỉnh khoản tiền 22.000.000 đồng mà bà Th đã trả cho bà Ph nhưng bà Th không có chứng cứ gì thể hiện đã trả lãi cho bà Ph số tiền 22.000.000 đồng, trong khi bà Ph chỉ có nhận lãi là 7.000.000 đồng. Vì vậy, kháng cáo của bà Th là không có cơ sở chấp nhận.

- Ông Nguyễn Hùng C và bà Mai Thị Th là vợ chồng hợp pháp, có con chung, sống chung trong nhà từ năm 2012, cùng xây dựng gia đình chung nên việc ông C cho rằng không biết việc bà Th vay tiền của bà Ph là không có cơ sở.

Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 để xử không chấp nhận kháng cáo của bà Mai Thị Th và ông Nguyễn Hùng C, giữ nguyên bản án dân sự sơ Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Mai Thị Th và ông Nguyễn Hùng C kháng cáo hợp lệ, vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Bà Nguyễn Thị Trúc Ph và bà Mai Thị Th thống nhất đã xác lập hợp đồng vay với nội dung: Bà Mai Thị Th có vay của bà Ph số tiền 60.000.000 đồng vào ngày 02/10/2019 và 100.000.000 đồng vào ngày 06/10/2019, tổng cộng là 160.000.000 đồng, đến nay bà Th chưa hoàn trả tiền gốc cho bà Ph như án sơ Th xác định là có căn cứ.

[2.2] Bà Nguyễn Thị Trúc Ph thừa nhận rằng hai bên thỏa thuận lãi suất cho vay là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, quy định 10 ngày trả lãi một lần, tức là lãi suất 15%/tháng như bà Mai Thị Th, ông Nguyễn Hùng C trình bày. Đồng thời, bà Th, ông C cho rằng bà Th đã trả lãi cho bà Ph được số tiền 22.000.000 đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh, trong khi bà Ph chỉ thừa nhận có nhận tiền lãi từ bà Th là 7.000.000 đồng. Vì vậy, không có cơ sở xem xét yêu cầu kháng cáo của bà Th về phần tiền lãi đã trả 22.000.000 đồng, mà chỉ có cơ sở xem xét 7.000.000 đồng như án sơ Th xác định.

[2.3] Xét kháng cáo yêu cầu trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng của bà Th là không có cơ sở chấp nhận vì tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”, không có quy định về trả nợ dần.

[2.4] Ông Nguyễn Hùng C cho rằng không biết việc bà Th vay tiền của bà Ph và bà Th cũng không sử dụng khoản tiền vay vào mục đích xây dựng cuộc sống chung của gia đình. Tuy nhiên, bà Th và ông C là vợ chồng hợp pháp từ năm 2012, sống chung nhà, có 02 con chung, không có mâu thuẫn hay ly thân; đồng thời ông C cũng không chứng minh được việc bà Th có kinh doanh, làm ăn riêng hoặc sự phân chia tài sản của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nên việc vay tiền của bà Th được hiểu là nhằm xây dựng, phát triển kinh tế chung của gia đình, ông C phải chịu trách nhiệm chung, do đó việc kháng cáo của ông C là không có cơ sở chấp nhận.

Từ đó thấy rằng kháng cáo của các đương sự là không có căn cứ và lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận và giữ nguyên án sơ Th.

Tuy nhiên, tại quyết định của án sơ Th có nội dung “*Bác yêu cầu xin trả mỗi tháng 1.000.000 đồng của bà Mai Thị Th*” là không cần thiết. Bởi lẽ, đây là ý kiến đề nghị của bị đơn, không phải yêu cầu khởi kiện và khi tuyên án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đã bao hàm cả nội dung không chấp nhận đề nghị được trả dần của bị đơn, cần sửa lại cách tuyên của án sơ Th và Tòa án cấp sơ Th cần rút kinh nghiệm.

[3] Án phí dân sự phúc Th: Ông Nguyễn Hùng C và bà Mai Thị Th mỗi người phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án..

[4] Những nội dung khác của quyết định án sơ Th không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hùng C và bà Mai Thị Th.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ Th số 12/2020/DS-ST ngày 26/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện T Th.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 148, 172, 173, 174, 227, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 288, 357, 463, 464, và Điều 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Trúc Ph.

Buộc bà Mai Thị Th và ông Nguyễn Hùng C liên đới hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Trúc Ph số tiền vay là 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng). Thời hạn trả là khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Án phí dân sự sơ Th có giá ngạch: Buộc bà Mai Thị Th và ông Nguyễn Hùng C phải chịu 8.000.000 đồng để sung Ngân sách Nhà nước.

Bà Nguyễn Thị Trúc Ph không phải chịu án phí nên được hoàn trả 4.000.000 đồng theo biên lai thu số 0000821 ngày 26/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T Th.

3. Án phí phúc Th: Buộc ông Nguyễn Hùng C và bà Mai Thị Th mỗi người phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền mà ông C, bà Th tạm ứng theo các biên lai thu số 0000856, số 0000855 cùng ngày 04/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T Th.

4. Án xử công khai phúc Th có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND cấp huyện;
- Chi cục THADS cấp huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Th phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Cảnh